

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo: Lịch sử Việt Nam**  
**Mã ngành: 9229013**  
**Trình độ đào tạo: Tiến Sĩ**

**THANH HÓA, NĂM 2022**

Số: 3249/QĐ-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ  
tiên sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 10/12/2022 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Lịch sử Việt Nam;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ngày 30/12/2022 về kết quả xin ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Mã số: 9229013, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 2 năm 2022 (có văn bản Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Trường khoa, Trường Bộ môn quản lý chuyên ngành tiến sĩ Lịch sử Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo đúng Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Khoa học xã hội, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT; QLĐTSDH



Bùi Văn Dũng

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

(Ban hành theo Quyết định số **3249** /QĐ-ĐHHĐ, ngày **30** tháng **12** năm **2022**  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**I. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Lịch sử Việt Nam
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Vietnamese History
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	9229013
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Lịch sử, Khoa khoa học xã hội
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHHĐ
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển.
Thời gian đào tạo:	36- 60 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy, tập trung
Số tín chỉ yêu cầu:	- 90 tín chỉ đối với người học có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù đúng/hợp; - 90-105 tín chỉ đối với người có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần; - 120 tín chỉ đối với người người có bằng đại học ngành phù đúng/hợp.
Điều kiện tốt nghiệp:	- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu; - Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam
Vị trí làm việc:	- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục và đào tạo khác. - Chuyên gia tại các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước. - Cán bộ lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị trong tổ chức bộ máy nhà nước.

	- Chuyên viên, phóng viên, biên tập viên, cán bộ quản lí... trong các cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản và các cơ quan quản lí văn hóa.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Lịch sử Việt Nam, người học có đủ điều kiện tham gia các lớp đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam và các lĩnh vực liên quan khác. - Sau tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo:	[1]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2018. [2]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội. [3]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐHSP Hà Nội. [4]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐHSP, trường ĐH Vinh. [5]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐH Sư phạm-Đại học Đà Nẵng. [6]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trường Đại học Sài Gòn. [7]. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐH Sư phạm-Đại học Thái Nguyên.

## II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu

#### 2.1.1. Mục tiêu chung

- Nhằm đào tạo các chuyên gia về lĩnh vực Lịch sử Việt Nam có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn giáo dục.

- Có khả năng làm tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học; tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học ở trường đại học, học viện; làm công tác quản lí tại các Sở Giáo dục, Bộ Giáo dục, Học viện, Viện nghiên cứu.



### 2.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO: Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học Lịch sử, về Lịch sử Việt Nam; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường giáo dục; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

PO2: Nâng cao khả năng tự nghiên cứu về khoa học lịch sử, nhất là những vấn đề lịch sử Việt Nam; có năng lực nghiên cứu độc lập và làm chủ lĩnh vực chuyên sâu mà mình lựa chọn.

PO3: Có năng lực đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội và khả năng hội nhập quốc tế; có năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành được đào tạo.

PO4: Có nền tảng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học liên ngành; nâng cao năng lực về phương pháp luận nghiên cứu lịch sử, về khả năng độc lập nghiên cứu, về năng lực sáng tạo khoa học trong nghiên cứu quy luật phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... trong lịch sử Việt Nam.

PO5: Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, trách nhiệm cao trong việc học tập và nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm để phát triển tri thức mới về Lịch sử Việt Nam; có khát vọng cống hiến và biết kết hợp hài hòa giữa quyền lợi và tiến bộ bản thân với ích lợi của cộng đồng và dân tộc; tôn trọng và học hỏi trong giảng dạy và nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam.

## 2. Chuẩn đầu ra

PLO <sub>m</sub>	Nội dung PLO <sub>m</sub>	PI <sub>m</sub>	Nội dung PI <sub>m</sub>
PLO1	Có kiến thức tổng hợp về chính sách và hệ thống văn bản pháp quy trong tổ chức giảng dạy và nghiên cứu Lịch sử Việt Nam; khả năng hoạch định các chính sách bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử- văn hóa dân tộc Việt Nam.	PI1.1	Có kiến thức tổng hợp về chính sách và hệ thống văn bản pháp quy trong tổ chức giảng dạy và nghiên cứu Lịch sử Việt Nam
		PI1.2	Có khả năng hoạch định các chính sách bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử- văn hóa dân tộc Việt Nam
PLO2	Có kiến thức cốt lõi, nền tảng về lịch sử và hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của một chuyên gia về Lịch sử Việt Nam; kiến thức quản trị tổ chức hoạt động nghiên cứu các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa- tư tưởng trong Lịch sử Việt Nam.	PI2.1	Có kiến thức cốt lõi, nền tảng về lịch sử và hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của một chuyên gia về Lịch sử Việt Nam.
		PI2.2	Có kiến thức quản trị tổ chức hoạt động nghiên cứu các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa- tư tưởng trong Lịch sử Việt Nam.



PLO <sub>m</sub>	Nội dung PLO <sub>m</sub>	PI <sub>m</sub>	Nội dung PI <sub>m</sub>
PLO3	Có kiến thức của một chuyên gia về phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử; kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới; phát hiện các quy luật phát triển của xã hội loài người trong tiến trình lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam.	PI3.1	Có kiến thức của một chuyên gia về phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử.
		PI3.2	Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.
		PI3.3	Phát hiện các quy luật phát triển của xã hội loài người trong tiến trình lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam.
PLO4	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học; vận dụng phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học Lịch sử; thành thạo trong truyền bá, phổ biến tri thức, tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn, đưa ra các kết luận, quyết định mang tính chuyên gia; kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức khoa học Lịch sử.	PI4.1	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học.
		PI4.2	Vận dụng phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học Lịch sử.
		PI4.3	Thành thạo trong truyền bá, phổ biến tri thức, tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn, đưa ra các kết luận, quyết định mang tính chuyên gia.
		PI4.4	Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức khoa học Lịch sử.
PLO5	Kỹ năng phân tích, biện luận, suy luận các vấn đề khoa học về khoa học Lịch sử và Lịch sử Việt Nam, đưa ra được hướng xử lý phù hợp, sáng tạo, khoa học và thuyết phục; kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học Lịch sử; đưa ra định hướng xử lý các vấn đề khoa học một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển khách quan và chủ quan.	PI5.1	Kỹ năng phân tích, biện luận, suy luận các vấn đề khoa học về khoa học Lịch sử và Lịch sử Việt Nam, đưa ra được hướng xử lý phù hợp, sáng tạo, khoa học và thuyết phục
		PI5.2	Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học Lịch sử.
		PI5.3	Đưa ra định hướng xử lý các vấn đề khoa học một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển khách quan và chủ quan

<b>PLO<sub>m</sub></b>	<b>Nội dung PLO<sub>m</sub></b>	<b>PI<sub>m</sub></b>	<b>Nội dung PI<sub>m</sub></b>
PLO6	Có khả năng tìm tòi, nghiên cứu sáng tạo các quan điểm, tri thức mới về lịch sử Việt Nam; trong từng hoàn cảnh và thời kỳ lịch sử cụ thể, có thể đưa ra các ý tưởng và kiến thức mới, phù hợp; có đủ năng lực và trình độ để hợp tác với các chuyên gia nghiên cứu lịch sử trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực.	PI6.1	Có khả năng tìm tòi, nghiên cứu sáng tạo các quan điểm, tri thức mới về lịch sử Việt Nam.
		PI6.2	Trong từng hoàn cảnh và thời kỳ lịch sử cụ thể, có thể đưa ra các ý tưởng và kiến thức mới, phù hợp.
		PI6.3	Có đủ năng lực và trình độ để hợp tác với các chuyên gia nghiên cứu lịch sử trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực.
PLO7	Có khả năng thích ứng trong bối cảnh đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế; tự định hướng và dẫn dắt những người khác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.	PI7.1	Có khả năng thích ứng trong bối cảnh đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.
		PI7.2	Tự định hướng và dẫn dắt những người khác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam.
		PI7.3	Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
		PI7.4	Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.
PLO8	Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp; có kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới.	PI8.1	Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp
		PI8.2	Có kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới

### 3. Yêu cầu đối với người dự tuyển

#### 3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Đối tượng là Thạc sĩ: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức;
- Đối tượng là Cử nhân: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức kết hợp thi tuyển.

#### 3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Cử nhân các ngành: Lịch sử (Cử nhân/Sư phạm), Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.
- Thạc sĩ các chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lý luận dạy học và PPDH Lịch sử, Việt Nam học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Giáo dục chính trị, Quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học.

### **3.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần**

- *Ngành đúng*: Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam

- *Ngành phù hợp*:

+ Đại học Sư phạm Lịch sử, Lịch sử, Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.

+ Thạc sĩ Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH Lịch sử.

- *Ngành gần*: Thạc sĩ Việt Nam học, Giáo dục chính trị, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học.

### **3.4. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1) Về văn bằng

a) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

b) Có bằng thạc sĩ ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi, căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung tối đa 15 tín chỉ để có được kiến thức cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành Lịch sử; sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung tối thiểu 30 tín chỉ để có được kiến thức cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

2) Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại phụ lục II của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ:

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 46 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.5 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển

- Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a mục này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b mục này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c mục này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công



nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quy định.

### 3.5. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển sinh bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển;  
b) Lý lịch khoa học;  
c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp hồ sơ trực tiếp);

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Bài báo, công trình nghiên cứu khoa học, xác nhận kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực quản lý văn hóa;

e) Đề cương nghiên cứu: Thí sinh phải nộp một bài luận về dự định nghiên cứu: Trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn;

f) Thư giới thiệu: Có 02 thư giới thiệu, trong đó có ít nhất 01 thư giới thiệu của nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ cùng chuyên ngành. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, theo các khía cạnh sau:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

g) Công văn, giấy giới thiệu

- Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi thí sinh vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận về nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

h) Cam kết

Cam kết thực hiện các nghĩa vụ về học tập, tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (đóng học phí, chịu toàn bộ kinh phí trong thời gian gia hạn

học tập, hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ);

i) Sức khỏe

Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe để ứng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

j) Các chính sách ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

- Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

- Người thuộc dân tộc thiểu số;

- Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên tại các khu vực miền núi, hải đảo, vùng sâu, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc vùng cao, miền núi do ủy ban Dân tộc và miền núi xét công nhận. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc hải đảo, vùng sâu do Chủ tịch ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp.

- Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 01 điểm (thang điểm 10. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên, chỉ được hưởng một lần ưu tiên).

### **3.6. Điều kiện trúng tuyển**

Để đảm bảo cho quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được người dự tuyển có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của cơ sở đào tạo, quy trình xét tuyển chia thành 4 bước như sau:

*Bước 1:* Sơ tuyển hồ sơ. Ban sơ tuyển hồ sơ gồm Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký kiểm tra hành chính hồ sơ của các thí sinh để lựa chọn những thí sinh đáp ứng được yêu cầu về mặt thủ tục hành chính, lập danh sách thí sinh được tham gia vòng xét tuyển kế tiếp.

*Bước 2:* Thành lập Tiểu ban chuyên môn Lịch sử Việt Nam đánh giá văn bản bài luận và thí sinh trình bày bài luận theo hướng dẫn của Trưởng tiểu ban.

- Tiểu ban Lịch sử Việt Nam đánh giá bài luận và cách trình bày bài luận của từng thí sinh.

- Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu của ngành đào tạo, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá người dự tuyển căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Tiểu ban chuyên môn đánh giá bằng văn bản theo thang điểm đối với các thí sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp

và chuyển kết quả về Ban thư ký của Hội đồng tuyển sinh.

- Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển và chuyển hồ sơ cho Hội đồng xét tuyển văn bằng và kinh nghiệm nghiên cứu của thí sinh.

*Bước 3:* Hội đồng xét tuyển văn bằng và kinh nghiệm nghiên cứu của thí sinh gồm: Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh; Trưởng tiểu ban chuyên môn của Hội đồng và một số thành viên do Chủ tịch Hội đồng lựa chọn theo quy định. Hội đồng đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển về văn bằng chuyên môn, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; văn bằng về trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; thư giới thiệu theo mẫu đánh giá... được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phê duyệt theo thang điểm được quy định trong Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường.

*Bước 4:* Toàn bộ hồ sơ dự tuyển và kết quả xếp loại xét tuyển của thí sinh được Ban thư ký kiểm tra lại và chuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh thực hiện xét tuyển và xác định danh sách trúng tuyển căn cứ theo chỉ tiêu tuyển sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

#### **4. Điều kiện tốt nghiệp**

##### **4.1. Về thời gian tập trung học tập**

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận NCS) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Thời gian học tập của NCS là 04 năm, trong đó, NCS phải tập trung học tập trong thời gian 12 tháng của 02 năm đầu kể từ khi có quyết định công nhận NCS. Ngoài ra, NCS phải tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng khi Trường yêu cầu. NCS được phép hoàn thành CTĐT sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 6 năm (72 tháng) tính từ ngày công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường.

##### **4.2. Số học phần người học phải hoàn thành**

NCS hoàn thành CTĐT, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học. Trong đó, NCS có bằng thạc sĩ đúng ngành phải hoàn thành 03 học phần, thời lượng 10 tín chỉ (bao gồm 2 học phần bắt buộc và 01 học phần tự chọn); 01 bài tiểu luận tổng quan (2 tín chỉ) và 03 chuyên đề tiến sĩ (06 tín chỉ) và luận án tương đương 72 tín chỉ.

NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần phải hoàn thành tối đa 15 tín chỉ (5 học phần), 30 tín chỉ (10 học phần) đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học trước khi học các học phần chính thức dành cho NCS.

### III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

#### 1. Khối lượng kiến thức toàn khóa đối với các đối tượng học tập, cụ thể:

TT	Đối tượng	Học phần bắt buộc (TC)	Học phần tự chọn (TC)	Học phần bổ sung (TC)	Chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận (TC)	NCKH và luận án (TC)	Tổng cộng (TC)
1	NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng/ phù hợp.	7	3	0	8	72	90
2	NCS có bằng thạc sĩ ngành gần	7	3	15	8	72	105
3	NCS có bằng cử nhân ngành đúng/ phù hợp	7	3	30	8	72	120

#### 2. Cấu trúc chương trình đào tạo

TTT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Các học phần tiến sĩ: 10 TC	Bắt buộc	7
		Tự chọn	3
2	Tiểu luận tổng quan: 2 TC	Bắt buộc	2
3	Chuyên đề nghiên cứu: 6 TC	Bắt buộc	2
		Tự chọn	4
4	Nghiên cứu khoa học và Luận án tốt nghiệp:		72
<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 90 TC</b>			

#### 3. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn Quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			
Phần 1. NCS có bằng cử nhân ngành đúng/ phù hợp (học bổ sung kiến thức)			30							

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn Quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			
30 tín chỉ theo CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức)										
<b>Phần 2. NCS có bằng thạc sĩ ngành gần</b>			<i>Căn cứ vào bảng điểm thạc sĩ của NCS, Nhà trường yêu cầu học bổ sung các học phần trong số các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức (tối đa 15 tín chỉ)</i>							
<b>Phần 3. NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng/ phù hợp</b>			<b>90</b>							
<b>I. Các học phần Tiến sĩ</b>			<b>10</b>							
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>7</b>							
1	7LS307	Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử
2	7LS303	Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội của lịch sử trung đại Việt Nam	4	36	42	6	180	3	Không	Lịch sử
<b>Các học phần tự chọn (chọn 1/6 HP)</b>										
3	7LS306	Quá trình hình thành dân tộc trong lịch sử Việt Nam	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử
	7LS304	Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế, xã hội và văn hoá trong lịch sử Việt Nam thời cận đại	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử
	7LS301	Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận đại	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử
	7LS305	Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn Quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			
		trong lịch sử Việt Nam								
	7LS302	Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử
	7LS308	Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam	3	27	30	6	135	3	Không	Lịch sử
<b>II.</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>							Lịch sử
<b>III.</b>	<b>Chuyên đề nghiên cứu</b>		<b>6</b>							
	7LSC01	Chuyên đề 1 (bắt buộc): Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam	2	5	0	0	90	4	Không	Lịch sử
	7LSC02	Chuyên đề 2 (tự chọn): Áp dụng lý thuyết vào đề tài nghiên cứu	2					4	Không	Lịch sử
	7LSC03	Chuyên đề 3 (tự chọn): Trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận tính mới của luận án	2					4	Không	Lịch sử
<b>IV.</b>	<b>NCKH và luận án</b>		<b>72</b>							Lịch sử

#### IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

##### 4.1. Đội ngũ giảng viên:

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó giáo sư	1	1	2



Tiến sỹ	2	3	5
Thạc sỹ	0	0	0
Đại học	0	0	0

#### 4.2. Phòng học:

- Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

- Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...

- Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học

TT	Tên học phần	Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc (01- 02 tài liệu)	Tài liệu dạy học (không quá 04 đầu sách)
1	M1. Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam	1. Phan Huy Lê (chủ biên, 2012), <i>Lịch sử Việt Nam</i> , tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	1. Lương Ninh (2005), <i>Vương quốc Phù Nam lịch sử và văn hóa</i> , Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội. 2. Lương Ninh (2006), <i>Vương quốc Chăm Pa</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2	M2. Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội của lịch sử trung đại Việt Nam	1. Phan Huy Lê (chủ biên, 2012), <i>Lịch sử Việt Nam</i> , tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	1. Đào Duy Anh (2011), <i>Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX</i> , Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 2. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), <i>Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới</i> , Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 3. Phan Huy Lê (2012), <i>Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội.
3	M3. Quá trình hình thành dân tộc trong lịch sử Việt Nam	1. Đào Duy Anh (2011), <i>Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX</i> , Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	1. Phan Huy Lê (1999), <i>Tìm về cội nguồn</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội. 2. Đặng Nghiêm Vạn (2003), <i>Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam</i> , Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

TT	Tên học phần	Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc (01- 02 tài liệu)	Tài liệu dạy học (không quá 04 đầu sách)
4	M4. Một số vấn đề về chuyên biến kinh tế, xã hội và văn hoá trong lịch sử Việt Nam cận đại	1. Nguyễn Văn Khánh (2019), <i>Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.	1. Phan Huy Lê (1999), <i>Tìm về cội nguồn (tập 1,2)</i> 2. Phan Huy Lê (2012), <i>Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội.
5	M5. Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại	1. Trần Văn Giàu (2020), <i>Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám</i> , Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	1. Võ Nguyên Giáp (2016), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i> , Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. 2. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên, 1993), <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6	M6. Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt Nam	1. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Chủ biên, 1996), <i>Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay</i> , tập 1 và tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội.	1. Phan Huy Lê (2012), <i>Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội. 2. Trần Ngọc Thêm (2006), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. 3. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên, 1993), <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7	M7. Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam	1. Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2015), <i>Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam</i> , tập 1, 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.	1. Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), <i>Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam</i> , tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. 2. Bộ quốc phòng, Viện lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), <i>Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam</i> , tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8		1. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), <i>Những đặc trưng cơ</i>	1. Đỗ Bang (chủ biên) (1997), <i>Tổ chức bộ máy nhà nước dưới triều</i>

TT	Tên học phần	Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc (01- 02 tài liệu)	Tài liệu dạy học (không quá 04 đầu sách)
	M8. Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam	<i>bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới</i> , Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	Nguyễn giai đoạn 1802-1884, Nxb Thuận Hoá, Huế. 2. Đào Duy Anh (2011), <i>Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX</i> , Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 3. Phan Huy Lê (2012), <i>Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội.
9	Chuyên đề 1 (bắt buộc): Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam	1. Đào Duy Anh (2011), <i>Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX</i> , Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	1. Phan Huy Lê (2012), <i>Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội. 2. Đặng Nghiêm Vạn (2003), <i>Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam</i> , Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh. 3. Quân đội nhân dân Việt Nam- Quân chủng Hải quân (2008), <i>Một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam</i> , Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

#### 4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

TT	Phòng thí nghiệm/ thực hành	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1	<i>Phòng seminar</i>	Có đầy đủ phương tiện hiện đại như Projector, Overheat, bảng, bàn ghế, nối mạng, máy tính.
2	<i>Phòng học chuyên ngành</i>	Trang bị bàn ghế, bảng, máy chiếu, tăng âm, máy tính nối mạng đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.
3	<i>Phòng cho NCS tự nghiên cứu</i>	Phòng 30m <sup>2</sup> , trang bị 20 bộ bàn ghế, 1 bảng, 20 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên ngành
4	<i>Phòng học đa phương tiện</i>	Đầy đủ bàn ghế, máy chiếu đa năng, máy tính, bảng đa năng, thiết bị âm thanh,...) đạt tiêu chuẩn, có thể phục vụ cho 1 lớp học có 35 học viên.

5	<i>Phòng học tiếng (LAB)</i>	Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được nối mạng phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB: 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm Giáo dục Quốc tế).
6	<i>Trung tâm hỗ trợ học tập</i>	Nhà trường có 1 trung tâm hỗ trợ học tập: với tổng diện tích 120 m <sup>2</sup> , có đầy đủ phương tiện, có thể phục vụ trên 150 học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.
7	<i>Thư viện</i>	Thư viện nhà trường có tổng diện tích 2450 m <sup>2</sup> với 120 máy tính được nối mạng internet, hàng nghìn đầu sách, báo, tạp chí, đủ điều kiện phục vụ đào tạo nhiều chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành Lịch sử Việt Nam. Học viên có thể đến thư viện tra cứu tài liệu học tập, tài liệu chuyên ngành phục vụ nghiên cứu. Thư viện có 252.685 đầu sách, trong đó có nhiều đầu sách phục vụ chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam.

## V. Đề cương học phần, chuyên đề nghiên cứu, nghiên cứu khoa học và luận án Tiến sĩ

**5.1. Đề cương học phần NCS có bằng cử nhân loại giỏi ngành đúng/ phù hợp** (theo quy định của CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức)

**5.2. Đề cương học phần NCS có bằng thạc sĩ ngành gần** (theo quy định của CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức)

**5.3. NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng/phù hợp**

**5.3.1. Các học phần tiến sĩ**

**M1. Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam/The formation and development of ancient States on the Vietnamese territory**

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS307
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần:**

**Nội dung học phần:**

- Giới thiệu khái quát về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái và các quá trình tộc người trên lãnh thổ Việt Nam.
- So sánh những tương đồng và dị biệt theo không gian và thời gian giữa các vùng.

- Giới thiệu những nét nổi bật của các không gian lịch sử-văn hóa, cái nôi của các nhà nước cổ đại.

- Đi sâu giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và rút ra những đặc trưng nổi trội của các nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (ở vùng Bắc Bộ); Lâm Ấp, Champa (ở vùng Trung Bộ) và Phù Nam, Chân Lạp (ở vùng Nam Bộ).

### **Năng lực đạt được:**

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Đánh giá được quá trình hình thành, phát triển và mở rộng lãnh thổ Việt Nam;
- So sánh nét tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.
- Vận dụng kiến thức về sự hình thành và hợp nhất các dân tộc để có những bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và bảo vệ lãnh thổ Việt Nam.
- Định hướng trong giáo dục, tuyên truyền vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo và đường biên giới trên bộ.

## **2. Mục tiêu học phần:**

- CO1: NCS hiểu được những đặc điểm chủ yếu của lãnh thổ Việt Nam và sự biến đổi của nó qua các thời kỳ lịch sử.
- CO2: NCS có cơ hội đi sâu tìm hiểu các không gian văn hóa, ở đó các nhà nước cổ đại hình thành và phát triển.
- CO3: Trên cơ sở phân tích được những đặc trưng cơ bản của các nhà nước cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam, NCS hiểu sâu sắc thêm tác động và di tồn của những các nhà nước đó đối với tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam.

## **3. Chuẩn đầu ra**

- CLO1: Hệ thống hóa và đánh giá được quá trình hình thành, phát triển và mở rộng lãnh thổ Việt Nam.
- CLO2: Luận giải được những đặc trưng nổi trội của các nhà nước cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam; so sánh nét tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.
- CLO3: Vận dụng kiến thức về sự hình thành và hợp nhất các dân tộc để có những bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và bảo vệ lãnh thổ Việt Nam.
- CLO4: Định hướng trong giáo dục, tuyên truyền vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo và đường biên giới trên bộ.
- CLO5: Hệ thống hóa toàn diện và khách quan về nguồn gốc, sự đa dạng của các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam. Tôn trọng, gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm bảo vệ và phát triển đất nước trong thời kỳ hiện nay.

## **4. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Những tiền đề cho sự xuất hiện các nhà nước cổ đại (13 (7, 6, 0))**

#### **1.1. Điều kiện tự nhiên**

1.1.1. Địa hình: Hình thể, núi, sông, bờ biển, cấu tạo địa chất...

1.1.2. Khí hậu, thời tiết

- 1.1.3. Tài nguyên, thiên nhiên: đất đai, nông, lâm, hải sản, khoáng sản...
- 1.1.4. Vị trí địa lý: Địa - chính trị, địa - văn hóa...
- 1.1.5. Sự tương đồng và dị biệt giữa các vùng miền
- 1.2. Quá trình tộc người trên lãnh thổ Việt Nam
- 1.2.1. Nhóm Lạc Việt, Âu Việt và vấn đề tổ tiên người Việt trên đất Việt Nam
- 1.2.3. Những nhóm cơ dân thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo-Polinesian ở miền Trung và miền Nam.

1.2.3. Sự xuất hiện người Khmer trên đất Nam Bộ

1.2.4. Các nhóm cư dân vùng núi.

1.3. Các nền văn hóa tiền sử, sơ sử

1.3.1. Tiến trình phát triển từ văn hóa Phùng Nguyên đến Đông Sơn ở miền Bắc

1.3.2. Văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung

1.3.3. Văn hóa Đồng Nai tiến tới văn hóa Oc Eo ở miền Nam.

## **Chương 2. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (11 (5, 6, 0))**

2.1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.2. Những tác động khách quan (vấn đề thủy lợi và chống xâm lấn)

2.1.3. Tổ chức nhà nước thời Hùng vương

2.1.4. Văn hóa thời Hùng vương

2.1.5. Những vấn đề cần tiếp tục làm sáng tỏ

2.2. Sự hình thành nhà nước Âu Lạc

2.2.1. Tổ chức nhà nước thời An Dương vương

2.2.2. Thành Cổ Loa

2.2.3. Những thành tựu kinh tế, kỹ thuật, văn hóa

2.2.4. Kháng chiến chống Triệu

2.3. Văn minh sông Hồng

2.3.1. Những đặc trưng

2.3.2. Những giá trị tiêu biểu

## **Chương 3. Nhà nước Lâm Ấp, Chăm pa (13 (5, 6, 2))**

**3.1. Sự ra đời nhà nước Lâm Ấp**

3.1.1. Cuộc tiến công của quân Hán và sự ra đời quận Nhật Nam

3.1.2. Cuộc nổi dậy của Khu Liên và sự hình thành nhà nước Lâm Ấp

**3.2. Vương quốc Champa**

3.2.1. Quá trình hình thành

3.2.2. Tổ chức bộ máy nhà nước

3.2.3. Đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa Champa

## **Chương 4. Nhà nước Phù Nam (13 (5, 6, 2))**

4.1. Sự hình thành nhà nước Phù Nam

4.1.1. Sự xuất hiện và tác động của các thương nhân Ấn Độ

4.1.2. Sự ra đời vương quốc Phù Nam

4.2. Sự phát triển thành đế chế Phù Nam



- 4.2.1. Phạm vi của đế chế
- 4.2.2. Một số thuộc quốc
- 4.2.3. Sự lớn mạnh của thuộc quốc Chân Lạp và suy vong của Phù Nam
- 4.3. Văn minh Oc Eo
- 4.3.1. Những đặc trưng
- 4.3.2. Những giá trị tiêu biểu

### Chương 5. Những mối liên hệ trong lịch sử (13 (5, 6, 2))

- 5.1. Quan hệ giữa ba trung tâm văn minh
  - 5.1.1. Giao lưu và tiếp biến giữa ba trung tâm Đông Sơn, Sa Huỳnh và Óc Eo
  - 5.1.2. Quận Nhật Nam trong Giao Châu
  - 5.1.3. Quan hệ Phù Nam và Champa
- 5.2. Những tiền đề cho quá trình “hợp lưu” của dòng chảy Việt Nam
  - 5.2.1. Mất xích trong mạng lưới Đông Nam Á
  - 5.2.2. Nhu cầu khách quan của một chỉnh hợp kinh tế - văn hóa
- 5.3. Ý nghĩa lịch sử của quá trình “hợp lưu”
  - 5.3.1. Sức mạnh của một nền văn hóa đa dạng và tương tác
  - 5.3.2. Tác động của ba nền văn minh cổ đại lên tiến trình lịch sử Việt Nam

### 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	

<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu tham dạy học:

#### ***Giáo trình /Tài liệu tham khảo bắt buộc***

1. Phan Huy Lê (chủ biên, 2012), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

#### ***Tài liệu tham khảo***

1. Lương Ninh (2005), *Vương quốc Phù Nam lịch sử và văn hóa*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.

2. Lương Ninh (2006), *Vương quốc Chăm Pa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

**M2. Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội của lịch sử trung đại Việt Nam/Some characteristics of the politics, economy and society in medieval history of Vietnam**

- Số tín chỉ: 4 (36, 42, 6)
- Mã học phần: 7LS303
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

### ***Nội dung học phần:***

Học phần nghiên cứu khái quát về lịch sử chính trị, kinh tế và xã hội và các giai đoạn phát triển của triều đại phong kiến Việt Nam; từ nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế và xã hội Việt Nam qua các thời kỳ Lý- Trần, Hậu Lê và Nguyễn để rút ra đặc điểm của các thiết chế chính trị và hệ thống các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử trung đại Việt Nam; đánh giá được vai trò của các thiết chế chính trị- kinh tế và xã hội đối với sự phát triển của các triều đại phong kiến Việt Nam; NCS có thể rút ra được bản chất và quy luật phát triển của các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam.

### ***Năng lực đạt được:***

Học phần phát triển năng lực tư duy về quá trình phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội của loài người; có kiến thức chuyên sâu về thiết chế chính trị, mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Tổng hợp, phân tích và đánh giá những đặc điểm về thiết chế chính trị; đặc điểm ruộng đất, kinh tế nông nghiệp và xã hội Việt Nam qua các thời kỳ Lý- Trần, Hậu Lê và Nguyễn. Lý giải và vận dụng được quy luật phát triển của các mô hình kinh tế- xã hội trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Phân tích và luận giải được những đặc điểm cơ bản của diễn trình chính trị, kinh tế và xã hội trong các thời kỳ Lý- Trần, Hậu Lê và Nguyễn; rút ra được quy luật phát triển về thiết chế chính trị, kinh tế- xã hội của lịch sử phong kiến Việt Nam.

- CO2: Kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá mối quan hệ tương tác giữa các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội dưới thời phong kiến; thành thạo kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu độc lập về lịch sử chính trị, kinh tế và xã hội.

- CO3: Vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhìn nhận, đánh giá về các thiết chế chính trị và mô hình kinh tế - xã hội qua các giai đoạn lịch sử Việt Nam và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; góp phần lý giải tình hình chính trị, kinh tế và xã hội hiện tại thông qua phân tích các di tồn lịch sử.

## **3. Chuẩn đầu ra**

- CLO1: Hệ thống hóa được bản chất chính trị, kinh tế và xã hội Việt Nam trong thời kỳ quốc gia phong kiến độc lập.

- CLO2: Phân tích và đánh giá được những đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội qua các triều đại phong kiến Việt Nam; lý giải và so sánh được sự phát triển và đặc điểm của các thiết chế chính trị và hình mô hình kinh tế - xã hội Việt Nam qua các thời kỳ và giai đoạn lịch sử (từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX).

- CLO3: Vận dụng các lý thuyết về quy luật phát triển của các mô hình chính trị, kinh tế- xã hội trong việc nghiên cứu và đề xuất các chính sách phát triển quốc gia và vùng lãnh thổ phù hợp.

- CLO4: Đánh giá một cách sáng tạo mặt tích cực và hạn chế của các thiết chế chính trị và mô hình kinh tế - xã hội trong lịch sử phong kiến Việt Nam; rút ra được bài

học kinh nghiệm và vận dụng trong thực tiễn xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO5: Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá được quy luật phát triển của xã hội phong kiến Việt Nam; có khả năng vận dụng, đánh giá và đề xuất một số kiến nghị về mô hình kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa trong thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản (22 (10, 12, 0)**

###### 1.1. Chính trị

###### 1.1.1. Nội hàm khái niệm

###### 1.1.1. Thiết chế chính trị và quá trình chính trị

###### 1.1.3. Đời sống chính trị và văn hóa chính trị

###### 1.2. Kinh tế

###### 1.2.1. Nội hàm khái niệm

###### 1.2.2. Đời sống kinh tế

###### 1.2.3. Lĩnh vực kinh tế

###### 1.3. Xã hội

###### 1.3.1. Nội hàm khái niệm

###### 1.3.2. Cơ cấu xã hội

###### 1.3.3. Kết cấu xã hội

###### 1.4. Hình thái kinh tế - xã hội

###### 1.4.1. Thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở

###### 1.4.2. Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất

##### **Chương 2. Đặc điểm chính trị cơ bản của thời kỳ lịch sử trung đại (32 (13, 16,**

3)

###### 2.1. Nhà nước hình thành sớm

###### 2.1.1. Những tiền đề kinh tế - xã hội

###### 2.1.2. Những tác động khách quan

2.1.3. Ảnh hưởng của đặc điểm “tào thực” (chín sớm) của sự xuất hiện nhà nước đến đặc điểm của chính trị Việt Nam thời trung đại

###### 2.2. Ảnh hưởng mô hình ngoại lai

###### 2.2.1. Ảnh hưởng của các thiết chế phương Bắc trong thời Bắc thuộc

###### 2.2.2. Tiếp biến về mô hình chính trị trong thời đại độc lập

###### 2.3. Tập quyền luôn thăng thế

###### 2.3.1. Nhu cầu về một thiết chế mạnh trong thời trung đại

###### 2.3.2. Đặc trưng của một số thiết chế tập quyền tiêu biểu

###### 2.3.3. Tính chất tập quyền trong các thời kỳ “cát cứ”

###### 2.4. Ảnh hưởng của thiết chế làng xã

###### 2.4.1. Cấu trúc làng Việt và dân chủ làng xã

###### 2.4.2. Sức mạnh của các định chế phi quan phương

###### 2.4.3. Sự phóng rọi quan hệ làng xã lên thiết chế nhà nước

## 2.5. Tính chất dân tộc nổi trội

2.5.1. Phân hóa giai cấp không sâu sắc

2.5.2. Giữ và giành lại độc lập là hoàn cảnh hằng xuyên của lịch sử

2.5.3. Chủ nghĩa yêu nước, ý thức dân tộc và quan niệm “địch - ta” trong xét đoán tính chất chính quyền

2.5.4. Bộ đỡ tư tưởng của các thiết chế chính trị thời độc lập

## **Chương 3. Đặc điểm kinh tế- xã hội cơ bản của thời kỳ lịch sử trung đại (30 (13, 14, 3)**

3.1. Kinh tế nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo

3.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên phù hợp với sản xuất nông nghiệp

3.1.2. Nông nghiệp là nguồn sống chính của đại bộ phận cư dân và là nguồn thu chính của ngân khố quốc gia suốt thời kỳ Trung đại.

3.1.3. Khai hoang là giải pháp chống khủng hoảng và duy trì vị trí chủ đạo của nông nghiệp.

3.2. Các ngành kinh tế khác được coi là “nghề phụ”

3.2.1. Thủ công nghiệp

3.2.2. Thương nghiệp – làng buôn

3.2.3. Các ngành kinh tế khác

3.3. Xã hội nông thôn

3.3.1. Cấu trúc làng xã phóng rọi lên cấu trúc xã hội

3.3.2. Tâm lý nông dân chi phối tâm lý xã hội

3.3.3. Tập quán sản xuất nông nghiệp chi phối đời sống kinh tế - xã hội

3.4. Thành thị đậm chất “đô thành”, mờ nhạt “thị”

3.4.1. Trong các đô thị Việt Nam thời trung đại, chỉ trừ Hội An và một vài cảng thị ven biển miền Trung, còn lại đều gắn với các trung tâm chính trị.

3.4.2. Sự hưng thịnh hay lụi tàn của đô thị phụ thuộc vào địa vị chính trị/hành chính của địa phương đó (Thăng Long, Tây Đô, Huế...)

3.5. Nông dân giữ vai trò chi phối trong cơ cấu cư dân

3.5.1. Nông dân luôn có tỷ lệ áp đảo

3.5.2. Con em nông dân dễ dàng tham chính (trở thành những quan lại hoạch định chính sách) qua con đường thi cử.

3.5.3. Khởi nghĩa nông dân điều tiết đời sống chính trị

## **5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	

Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**10. Tài liệu tham dạy học:**



### ***Giáo trình /Tài liệu tham khảo bắt buộc***

1. Phan Huy Lê (chủ biên) (2012), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

### ***Tài liệu tham khảo***

1. Đào Duy Anh (2011), *Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

2. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

### **M3. Quá trình hình thành dân tộc trong lịch sử Việt Nam/Major Issues of the National Process in Vietnamese History**

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS306
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần:**

##### ***Nội dung học phần:***

- Giới thiệu khái quát một số khái niệm về dân tộc của học giả trong nước và nước ngoài, của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác Lê nin về vấn đề dân tộc. Các quan điểm khác nhau về khái niệm dân tộc và quá trình hình thành dân tộc ở Việt Nam.

- Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, sống xen kẽ với nhau, thống nhất trong đa dạng về văn hoá từ lâu đời. Học phần sẽ trình bày các tiêu chí xác định tộc người trên thế giới và Việt Nam. Giới thiệu 54 thành phần dân tộc Việt Nam và những đặc trưng văn hoá tộc người, lịch sử hình thành và quá trình phát triển (quá trình tộc người). Từ đó tìm ra mối quan hệ giữa các dân tộc Việt Nam - và những nguyên nhân chủ quan, khách quan của mối quan hệ đó cũng như xu thế phát triển các dân tộc Việt Nam. Vai trò quan hệ dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các dân tộc Việt Nam.

##### ***Năng lực đạt được:***

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu sâu sắc hơn các khái niệm cơ bản về tộc người, dân tộc, cũng như quá trình hình thành dân tộc Việt Nam.

- Có cách nhìn nhận toàn diện, khách quan, đánh giá và giải quyết vấn đề dân tộc, mối quan hệ dân tộc một cách khoa học.

- Tăng cường kỹ năng phân tích, kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử - văn hóa; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

#### **2. Mục tiêu học phần:**

- CO1: Giúp NCS nắm được các khái niệm cơ bản về dân tộc (tộc người); dân tộc (quốc gia dân tộc) cũng như quá trình hình thành dân tộc Việt Nam (tư cách là quốc gia dân tộc) với những đặc điểm cơ bản nhất.

- CO2: Trên thực tế, trong nhiều thập kỷ qua qua, vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam còn nhiều ý kiến chưa thống nhất. Nội dung chuyên đề này cung cấp cho NCS một hệ thống quan điểm khác nhau trong giới nghiên cứu về vấn đề này, đồng thời phác dựng lại toàn bộ tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam tiến tới hình thành dân tộc quốc gia thống nhất.

- CO3: Nhận thức toàn diện, khách quan về nguồn gốc hình thành và phát triển liên tục cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam. Tôn trọng, gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

### **3. Chuẩn đầu ra**

- CLO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về tộc người, dân tộc...; luận giải được đặc điểm của quá trình hình thành dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

- CLO2: Có cách nhìn nhận, đánh giá và giải quyết vấn đề dân tộc một cách khoa học về các yếu tố tác động đến sự hình dân tộc Việt Nam.

- CLO3: Kỹ năng tập hợp tư liệu từ các nguồn tư liệu khác nhau từ sách vở, báo chí, internet, truyền hình, bảo tàng và kỹ năng nghiên cứu thực địa về dân tộc học và lịch sử Việt Nam.

- CLO4: Tăng cường kỹ năng phân tích, kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

- CLO5: Tôn trọng, gìn giữ và phát huy những giá trị lịch sử - văn hóa tốt đẹp của cộng đồng dân tộc - quốc gia Việt Nam. Góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm bảo vệ và phát triển đất nước trong thời kỳ hiện nay.

### **4. Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1. Vấn đề lý luận của sự hình thành dân tộc và vận dụng nghiên cứu sự hình thành dân tộc Việt Nam (19 (9, 10, 0)**

##### 1.1. Một số thuật ngữ, khái niệm

###### 1.1.1. Dân tộc

###### 1.1.2. Tộc người

###### 1.1.3. Quốc gia dân tộc

##### 1.2. Các ý kiến về sự hình thành dân tộc

###### 1.2.1. Ý kiến của Mác và Ăngghen

###### 1.2.2. Ý kiến của Lênin và Stalin

###### 1.2.3. Ý kiến trong thư tịch phương Đông

##### 1.3. Việc vận dụng các ý kiến trên vào nghiên cứu sự hình thành dân tộc Việt Nam

###### 1.3.1. Những ý kiến bám sát vào định nghĩa dân tộc của Stalin

###### 1.3.2. Những ý kiến vận dụng sáng tạo định nghĩa dân tộc của Stalin

##### 1.4. Các cuộc thảo luận về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam

##### 3.1. Giai đoạn thứ 1 (1955-1965)

3.1.2. Giai đoạn thứ 2 (1965-1980)

3.1.3. Giai đoạn thứ 3 (1980-1982)

## **Chương 2. Vấn đề nguồn gốc của dân tộc Việt Nam (22 (9, 10, 3)**

1.1. Vấn đề Giao Chỉ

1.1.1. Truyền thuyết lưu hành trong dân gian

1.1.2. Truyền thuyết được ghi chép trong các thư tịch cổ thời quân chủ Việt Nam và Trung Quốc

2.2. Về vùng đất Giao Chỉ

2.2.1. Các nhà chú giải sử thư của Trung Quốc,

2.2.2. Nhận định của giới sử học Trung Hoa gần đây

2.3. Người Giao Chỉ với tổ tiên của dân tộc Việt Nam

2.3.1. Bách Việt

2.3.2. Lạc Việt

## **Chương 3. Sự hình thành và phát triển dân tộc Việt Nam (22 (9, 10, 3)**

3.1. Các yếu tố tác động đến sự hình dân tộc Việt Nam

3.1.1. Địa vực cư trú

3.1.2. Tiếng nói

3.1.3. Kinh tế

3.1.4. Tâm lý - Văn hóa

3.1.5. Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền

3.2. Sự hình thành Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam

3.2.1. Thời điểm xác lập

3.2.2. Nguyên nhân hình thành Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền ở Việt

Nam

3.2.3. Các quan điểm về sự hình thành Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam

3.3. Dân tộc Việt Nam trong thời kỳ cận - hiện đại

## **5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	

## **6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
<b>Thi cuối kì (01)</b>				
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2, CLO3, CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với học viên

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu tham dạy học:

**Giáo trình /Tài liệu tham khảo bắt buộc**

1. Đào Duy Anh (2002), *Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

**Tài liệu tham khảo**

1. Phan Huy Lê (2011), *Tim về cội nguồn*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

2. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

#### **M4. Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế - xã hội và văn hoá trong lịch sử Việt Nam cận đại**

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS304
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

##### **1. Mô tả học phần**

###### ***Nội dung học phần:***

- Phân tích các thuật ngữ, khái niệm *chuyển biến kinh tế - xã hội, chuyển biến văn hóa, văn hoá, văn minh, tiếp biến văn hoá*; những yếu tố tác động đến chuyển biến về kinh tế, xã hội và văn hóa ở Việt Nam qua từng giai đoạn của lịch sử cận đại

- Tái hiện bối cảnh lịch sử, các chính sách chính trị, xã hội tác động tới sự biến đổi, đồng thời làm rõ sự biến đổi của cơ cấu kinh tế - xã hội qua từng giai đoạn; phân tích những tác động tích cực, tiêu cực của sự vận động lịch sử, những nét đặc trưng của sự biến đổi.

- Giới thiệu khái quát thành tựu nghiên cứu trong và ngoài nước, các nguồn tài liệu để tìm hiểu về văn hoá Việt Nam cận đại; gợi mở những hướng nghiên cứu mới; phân tích thuật ngữ văn hoá, văn minh, tiếp biến văn hoá. Khái quát quá trình truyền bá văn hoá, văn minh phương Tây vào Việt Nam; những điều kiện mới cho sự du nhập văn hoá phương Tây vào Việt Nam. Phân tích chính sách văn hoá của Pháp ở Việt Nam, thái độ ứng xử của tầng lớp trí thức Việt Nam đối với văn hoá phương Tây trong thời kỳ Pháp thuộc. Trình bày những chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại: sự chuyển biến trong những loại hình văn hoá truyền thống, sự hình thành và phát triển của những loại hình văn hoá mới.

###### ***Năng lực đạt được:***

Từ kiến thức môn học, NCS có khả năng đúc kết bài học lịch sử và so sánh, vận dụng trong thời kỳ hiện đại, đặc biệt là công cuộc đổi mới hiện nay.

##### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Làm rõ khái niệm liên quan đến *chuyển biến kinh tế - xã hội và văn hóa*. Đưa ra các phương pháp nghiên cứu và cung cấp các nguồn tư liệu hữu ích cho nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại.

- CO2: Từ lát cắt của vấn đề biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội và văn hóa, làm rõ hơn diện mạo lịch sử, tiến trình biến đổi, thành tựu và hạn chế trong lịch sử Việt Nam cận đại.

- CO3: Làm sáng tỏ được cơ sở lịch sử của những hiện tượng chính trị và phong trào chính trị; đồng thời đánh giá được tác động của những biến đổi về kinh tế - xã hội đối với lịch sử cận đại Việt Nam nói riêng và tiến trình lịch sử Việt Nam nói chung.

##### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Giải thích được các thuật ngữ, khái niệm liên quan đến chuyển biến kinh tế - xã hội, văn hóa.

- CLO2: Phân tích và giải thích được cơ sở lịch sử, quá trình và nội dung chuyển biến kinh tế - xã hội, văn hóa trong lịch sử cận đại Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá đúng bản chất cũng như tác động của những biến đổi kinh tế - xã hội đối với lịch sử cận đại Việt Nam nói riêng và tiến trình lịch sử Việt Nam nói chung; đúc rút quy luật phát triển và bài học lịch sử từ thực tế những biến đổi đó.

- CLO4: Có khả năng tiếp cận, khai thác, sử dụng những kết quả nghiên cứu mới vào thực tiễn học tập, giảng dạy; có kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử; chủ động lựa chọn và giải quyết vấn đề nghiên cứu có liên quan đến chuyên luận.

- CLO5: Có thái độ đúng đắn, khách quan khi đánh giá về sự việc, hiện tượng trong lịch sử và đời sống xã hội

#### **4. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển biến kinh tế - xã hội và văn hóa Việt Nam thời cận đại (19 (9, 10, 0)**

###### 1.1. Khái niệm

###### 1.1.1. Chuyển biến kinh tế

###### 1.1.2. Chuyển biến xã hội

###### 1.1.3. Chuyển biến văn hóa

###### 1.2. Các yếu tố tác động đến chuyển biến kinh tế - xã hội và văn hóa

###### 1.1. Điểm xuất phát

###### 1.2. Đặc điểm và các yếu tố tác động

###### 1.2.1. Nửa cuối thế kỷ XIX

###### 1.2.2. Giai đoạn 1900 - 1918

###### 1.2.3. Giai đoạn 1918 - 1945

##### **Chương 2. Chuyển biến kinh tế- xã hội từ năm 1858 đến năm 1945 (22 (9, 10,**

**3)**

###### 2.1. Chuyển biến kinh tế từ năm 1858 đến năm 1945

###### 2.1. Thu chi ngân sách

###### 2.2. Tăng trưởng kinh tế

###### 2.3. Chuyển biến kinh tế theo ngành nghề

###### 2.4. Chuyển biến cơ cấu thành phần kinh tế

###### 2.2. Chuyển biến về cơ cấu xã hội từ 1858 đến 1945

###### 2.1. Dân số

###### 2.2. Chuyển biến cơ cấu lực lượng lao động

###### 2.3. Phân hoá xã hội

##### **Chương 3. Chuyển biến văn hóa từ năm 1858 đến năm 1945 (22 (9, 10, 3)**

###### 3.1. Những điều kiện tiền đề

###### 3.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

###### 3.1.2. Quá trình truyền bá văn hóa, văn minh phương Tây vào Việt Nam



3.1.3. Chính sách văn hoá của Pháp và ứng xử của trí thức Việt Nam đối với văn hoá phương Tây

3.2. Chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại

3.2.1. Sự chuyển biến trong những loại hình văn hoá truyền thống,

3.2.2. Sự hình thành và phát triển của những loại hình văn hoá mới.

3.3. Những vấn đề cần bàn luận

## 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓		✓		
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	✓
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	✓

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
<b>Thi cuối kì (01)</b>				
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành, được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## 10. Tài liệu tham dạy học

### *Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc*

1. Nguyễn Văn Khánh (2019), *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 – 1945)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

### *Tài liệu tham khảo*

1. Phan Huy Lê (1999), *Tìm về cội nguồn*, tập 1 và tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

## M5. Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận đại/Tendencies of Political Theories in Pre - Modern Vietnam

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS301
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

#### *Nội dung học phần:*

Học phần *Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận – hiện đại* giới thiệu những nội dung chính sau đây:

- Phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và nguồn sử liệu trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại;
- Bối cảnh lịch sử và những yếu tố tác động cơ bản đối với diễn trình lịch sử tư tưởng chính trị;
- Nội dung cơ bản của một số trào lưu tư tưởng chính trị;
- Gợi ý đánh giá về vai trò lịch sử của các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại.

*Năng lực đạt được:*

NCS có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn có liên quan.

## **2. Mục tiêu học phần**

-CO1: Giúp NCS hiểu rõ và vận dụng được phương pháp và cách tiếp cận đặc thù trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Việt Nam.

-CO2: Giúp NCS phân tích được bối cảnh chung và những yếu tố tác động đến lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời cận đại (1858-1945); thấu hiểu nội dung và vai trò lịch sử của một số trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận đại.

- CO3: Hình thành thái độ công tâm, khách quan; rèn kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Vận dụng được phương pháp và cách tiếp cận đặc thù trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Việt Nam.

- CLO2: Phân tích được bối cảnh chung và những yếu tố tác động đến lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời cận đại (1858-1945); giải thích được vấn đề thực dân phương Tây và sự truyền bá của các trào lưu tư tưởng phương Tây vào Việt Nam thời cận đại.

- CLO3: Phân tích được đặc điểm và đánh giá đúng vai trò lịch sử của một số trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận đại.

- CLO4: Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử; có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn liên quan.

- CLO5: Có thái độ công tâm, khách quan khi đánh giá về sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử

## **4. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và nguồn sử liệu (15 (6, 9, 0))**

1.1. Nguồn sử liệu phục vụ nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại

1.1.1. Nguồn sử liệu trực tiếp

1.1.2. Nguồn sử liệu gián tiếp

1.1.3. Một số lưu ý về tính đặc thù của sử liệu trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam cận đại

1.2. Phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Hệ phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng (Intellectual History)

1.2.2. Một số phương pháp vận dụng trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam cận đại

1.3. Cách tiếp cận

1.3.1. Cách tiếp cận hệ thống

1.3.2. Cách tiếp cận văn hóa - chính trị

1.3.3. Cách tiếp cận xã hội học - chính trị

### **Chương 2. Bối cảnh của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời cận đại (16 (7, 7, 2))**

2.1. Bối cảnh chung của lịch sử dân tộc Việt Nam trong liên hệ với lịch sử thế giới và lịch sử khu vực

2.1.1. Cuộc xâm lăng của thực dân phương Tây và các mô hình ứng phó của các dân tộc phương Đông

2.1.2. Các cuộc đấu tranh tư tưởng ở Đông Á và Đông Nam Á thời cận đại

2.1.3. Công cuộc thực dân hóa và phi thực dân hóa ở Việt Nam

2.2. Một số yếu tố tác động cơ bản đến lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại

2.2.1. Thực dân phương Tây và sự truyền bá của các trào lưu tư tưởng phương Tây

2.2.2. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và canh tân đất nước

2.2.3. Báo chí và các phương tiện truyền thông mới

2.2.4. Sự xuất hiện của các nhóm trí thức mới

2.2.5. Phân kỳ lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại

**Chương 3. Một số trào lưu, xu hướng tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận đại (16 (7, 7, 2))**

3.1. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

3.2. Nho giáo và các xu hướng tư tưởng chính trị cũ

3.3. Canh tân và các trào lưu tư tưởng cải cách

3.4. Các trào lưu tư tưởng chính trị mang màu sắc tôn giáo

3.5. Các trào lưu tư tưởng pháp quyền

3.6. Các trào lưu tư tưởng xã hội - chính trị cấp tiến

3.7. Các trào lưu tư tưởng dân chủ - cách mạng

3.8. Các trào lưu tư tưởng cách mạng theo xu hướng mác xít

**Chương 4. Vai trò và ý nghĩa lịch sử của các cuộc đối thoại tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời cận đại (16 (7, 7, 2))**

4.1. Chủ chiến hay chủ hòa

4.2. Duy tân hay thủ cựu và vấn đề lương - giáo

4.3. Duy tân và bạo động; chấp nhận cái mới và giữ bỏ cái cũ

4.4. Đề huê hay đầu hàng

4.5. Cách mạng theo mô hình, đường lối nào? Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thái học và Nguyễn Ái Quốc

4.6. Chấn hưng Phật giáo; Cao Đài, Hòa Hảo

4.8. Giải phóng con người, giải phóng xã hội - có những con đường riêng của trí thức Tây học Việt Nam

**5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓		✓		
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓

Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	✓
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	✓

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## 10. Tài liệu tham dạy học

### *Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc*

1. Trần Văn Giàu (2020), *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

### *Tài liệu tham khảo*

1. Võ Nguyên Giáp (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

2. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên, 1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

## M6. Một số vấn đề về văn hóa - tư tưởng trong lịch sử Việt Nam/Major Issues of Culture and Ideology in Vietnamese History

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS305
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

#### *Nội dung học phần:*

- Giới thiệu khái quát một số khái niệm và lý luận cơ bản về văn hóa, tư tưởng.
- Quá trình hình thành, phát triển và những đặc trưng cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam.
- Quá trình tiếp biến những giá trị văn hoá, tư tưởng đến từ các nền văn hóa khác (Đạo, Phật, Nho, chủ nghĩa Mác-Lênin)
- Ảnh hưởng và tác động của di sản văn hóa tư tưởng đến đời sống con người Việt Nam hiện nay.

#### *Năng lực đạt được:*

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Đánh giá được các thành tựu và các di sản của di sản văn hóa- tư tưởng của dân tộc Việt Nam
- So sánh quá trình tiếp biến các giá trị văn hóa, tư tưởng của dân tộc Việt Nam và các nền văn hóa, văn minh khu vực và thế giới.
- Vận dụng kiến thức về lịch sử văn hóa - tư tưởng để hệ thống được quy luật phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ lịch sử.
- Phân tích được những tác động của văn hóa và tư tưởng đến đời sống hiện tại.

### 2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Hệ thống được những nội dung cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam.
- CO2: Hiểu được quá trình tiếp biến các giá trị văn hóa, tư tưởng đến từ các nền văn hóa khác.
- CO3: Trên cơ sở được trang bị kiến thức hệ thống về diễn trình văn hóa - tư tưởng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, NCS hiểu sâu sắc hơn những di sản văn hóa - tư tưởng đang tác động đến đời sống hiện tại.

### 3. Chuẩn đầu ra:

- CLO1: Hệ thống hóa các thành tựu và các di tồn của di sản văn hóa- tư tưởng của dân tộc Việt Nam; từ đó rút ra được đặc điểm văn hóa- tư tưởng qua các thời kỳ lịch sử dân tộc.

- CLO2: So sánh quá trình tiếp biến các giá trị văn hóa, tư tưởng của dân tộc Việt Nam và các nền văn hóa, văn minh khu vực và thế giới.

- CLO3: Vận dụng kiến thức về lịch sử văn hóa - tư tưởng để hệ thống được quy luật phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ lịch sử.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa kinh tế- xã hội và văn hóa- tư tưởng cùng những tác động của văn hóa và tư tưởng trong sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

- CLO5: Có ý thức tôn trọng, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa - tư tưởng tốt đẹp của dân tộc; góp phần xây dựng phát triển đất nước trong thời kỳ hiện nay.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### **Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản (19 (9,10,0))**

##### 1.1. Văn hóa

1.1.1. Những nội dung cốt yếu và sự đa dạng trong định nghĩa

1.1.2. Các thành tố văn hóa

1.1.3. Không gian văn hóa

1.1.4. Đặc trưng văn hóa

1.1.5. Tiếp biến, giao thoa, đồng hóa văn hóa

##### 1.2. Văn minh

1.2.1. Những nội dung cốt yếu

1.2.2. Nền văn minh, dạng thức văn minh và thời đại văn minh

1.2.3. Đặc trưng của văn minh nông nghiệp lúa nước

##### 1.3. Tư tưởng

1.3.1. Các loại hình tư tưởng

1.3.2. Vị trí của tư tưởng trong đời sống xã hội

1.3.3. Quan hệ giữa văn hóa, tư tưởng và tôn giáo

#### **Chương 2. Văn hóa truyền thống Việt Nam (22 (9, 10, 3))**

##### **2.1. Các không gian văn hóa Việt Nam**

2.1.1. Không gian văn hóa đồng bằng – trung du Bắc Bộ

2.1.2. Không gian văn hóa Miền Trung

2.1.3. Không gian văn hóa Nam Bộ

2.2. Những đặc trưng cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam

2.2.1. Văn hóa nông nghiệp (xét từ góc độ sản xuất)

2.2.2. Văn hóa sông nước (xét từ góc độ điều kiện tự nhiên, môi trường sống)

2.2.3. Văn hóa làng xã (xét từ góc độ quan hệ xã hội)

2.2.4. Tục thờ cúng Tổ tiên (xét từ góc độ đời sống tâm linh)

2.2.5. Truyền thống kiên cường, bất khuất (xét từ góc độ hoàn cảnh lịch sử)

2.3. Quá trình quy tụ, hợp nhất dòng chảy văn hóa

- 2.3.1. Quá trình hợp lưu văn hóa Việt – Chăm (thế kỷ XI – thế kỷ XVII)
- 2.3.1. Quá trình hợp lưu văn hóa Việt – Khmer (thế kỷ XVII - thế kỷ XIX)
- 2.3.3. Quá trình hình thành một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng

### **Chương 3. Sự phát triển của tư tưởng trong lịch sử Việt Nam (22 (9, 3))**

#### **3.1. Tư tưởng bản địa**

##### 3.1.1. Tư tưởng hòa đồng

##### 3.1.2. Tư tưởng nhân ái, trọng nghĩa tình, hướng về nguồn cội

3.1.3. Tư tưởng sùng bái các thế lực siêu nhiên (núi, sông, biển cả, các đấng thần linh...)

#### **3.2. Tư tưởng và tôn giáo đến từ các nền văn hóa khác**

##### 3.2.1. Tư tưởng Nho giáo, Lão giáo

##### 3.2.2. Tư tưởng Phật giáo

##### 3.2.3. Quá trình du nhập Thiên chúa giáo và một số tôn giáo khác

##### 3.2.4. Quá trình du nhập Chủ nghĩa Mác vào Việt Nam

#### **3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

3.3.1. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh hoa văn hóa Việt Nam và sự tích hợp các giá trị văn hóa Đông-Tây.

3.3.2. Quá trình hình thành bộ đỡ tư tưởng của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

### **5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	

### **6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	



<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu tham dạy học:

#### *Giáo trình /Tài liệu tham khảo bắt buộc*

1. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Chủ biên) (1996), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, tập 1 và tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội.

#### *Tài liệu tham khảo*

1. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

2. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên), (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

**M7. Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam/**  
*The Anti-invasion Resistance War and Its Impact on the Process of Vietnamese History*

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS302

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

## **1. Mô tả học phần**

### ***Nội dung học phần:***

Học phần tập trung vào việc thảo luận những tác động chủ yếu của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến sự phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời trung đại đến nay. Trong đó, nhấn mạnh các vấn đề: các nhân tố tác động tới lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại; tác động của lịch sử tới hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận - hiện đại; Phân tích những vấn đề cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam; Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, làm rõ được nguồn gốc sâu xa sức mạnh của nhân dân Việt Nam và sự chỉ đạo tài tình, chiến lược Việt Nam đã làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc, rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

### ***Năng lực đạt được:***

Học phần phát triển năng lực tư duy, phân tích, đánh giá về những tác động chủ yếu của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến sự phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời trung đại đến nay; có kiến thức chuyên sâu về các nhân tố tác động tới lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại; tác động của lịch sử tới hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận - hiện đại; Phân tích những vấn đề cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam, nguyên nhân thắng lợi; Vận dụng những bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Phân tích và luận giải được những nhân tố tác động tới lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại

- CO2: Phân tích được những tác động của lịch sử tới hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận - hiện đại

- CO3: Phân tích, đánh giá, so sánh được những vấn đề cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam; Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

- CO4: Rút ra được một số bài học kinh nghiệm từ các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm để vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

## **3. Chuẩn đầu ra**

- CLO1: Hệ thống hóa các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc; phân tích được những tác động chủ yếu của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến sự phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời trung đại đến nay;

- CLO2: Phân tích và đánh giá được những nhân tố tác động tới lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại

- CLO3: Có kiến thức sâu rộng về nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam và hình thành nhận thức về những bài học cần thiết.

- CLO4: Rút ra và đánh giá những bài học kinh nghiệm từ các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; đề xuất các giải pháp vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

- CLO5: Phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản (19 (9,10,0))**

###### 1.1. Một số thuật ngữ và khái niệm

###### 1.1.1. Khởi nghĩa

###### 1.1.2. Kháng chiến

###### 1.1.3. Chiến tranh

###### 1.2. Phân biệt khởi nghĩa, kháng chiến, chiến tranh

###### 1.2.1. Phân biệt khởi nghĩa và kháng chiến

###### 1.2.2. Kháng chiến và kiến quốc

###### 1.3. Các loại hình và một số quy luật phổ biến của chiến tranh

###### 1.3.1. Các loại hình chiến tranh

###### 1.3.2. Một số quy luật phổ biến của chiến tranh

##### **Chương 2. Kháng chiến chống ngoại xâm trong tiến trình lịch sử Việt Nam**

**(22 (9, 10, 3))**

###### 2.1. Khái quát lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm

###### 2.1.1. Lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm từ khi lập quốc đến thế kỷ X

###### 2.1.2. Lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỷ X đến 1858

###### 2.1.3. Lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm từ 1858 đến nay

###### 2.2. Đặc điểm, nghệ thuật quân sự trong kháng chiến chống ngoại xâm

2.2.1. Nghệ thuật quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công đi đôi với giành thế chủ động trong chiến tranh.

###### 2.2.2. Nghệ thuật tạo ra và phát huy sức mạnh tổng hợp để giành chiến thắng

2.2.3. Nghệ thuật tạo lực, lập thế, phát huy các nhân tố thiên thời- địa lợi- nhân hoà.

###### 2.2.4. Nghệ thuật biết kìm chế địch để giành thắng lợi từng bước

###### 2.2.5. Nghệ thuật khởi đầu và kết thúc chiến tranh một cách có lợi nhất

**Chương 3. Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam (22 (9, 10, 3))**

###### 3.1 Các nhân tố tác động tới lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam

###### 3.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

###### 3.1.2. Đời sống kinh tế - xã hội

###### 3.1.3. Bối cảnh quốc tế và khu vực

3.2 Truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại

###### 3.2.1. Thời kỳ cổ đại

###### 3.2.2. Thời kỳ trung đại

###### 3.3. Tác động của lịch sử tới hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận - hiện đại.

3.3.1. Những tác động khách quan

3.3.2. Những tác động chủ quan

3.4. Bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

## 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO2, CLO3	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**10. Tài liệu tham dạy học:**

*Giáo trình /Tài liệu tham khảo bắt buộc*

1. Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam, tập 1*, 2. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

*Tài liệu tham khảo*

1. Bộ quốc phòng, Viện lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Bộ quốc phòng, Viện lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, tập 4. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

**M8. Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý và xã hội ở Việt Nam/ On the models of Political Institutions and Social management in Vietnam**

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 7LS308
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:*

Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản và toàn diện về khái niệm và lý luận mô hình chính trị và quản lý xã hội; về những yếu tố tác động tới thiết chế chính trị và quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam. Những đặc trưng cơ bản của các mô hình thiết chế chính trị và phương thức quản lý xã hội truyền thống Việt Nam; về các thiết chế quan phương, phi quan phương và mối quan hệ của chúng trong cấu trúc mô hình quản lý xã hội; về quá trình ra đời, phát triển của một số mô hình quản lý xã hội tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.

*Năng lực đạt được:*

Năng lực phân tích và hệ thống hóa các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam; đánh giá những ảnh hưởng và tác động của các di sản lịch sử của các thiết chế chính trị, phương thức quản lý xã hội đến tiến trình lịch sử dân tộc và đời sống con người Việt Nam hiện nay.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phân tích và luận giải được diễn tiến của thiết chế chính trị và các hình thức quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam thông qua các mô hình tổng quát.

- CO2: Kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố dẫn tới sự hình thành, phát triển và biến đổi của các mô hình đó.

- CO3: Trên cơ sở nắm vững các mô hình từng tồn tại trong quá khứ, vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhìn nhận, đánh giá và lý giải những hiện tượng đang diễn ra.

## 3. Chuẩn đầu ra

- CLO1: Mô tả và hệ thống hóa được các đặc điểm của các mô hình chính trị- xã hội qua các thời kỳ lịch sử.

- CLO2: Phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố như điều kiện tự nhiên; dân cư; kinh tế đến sự biến đổi của các mô hình chính trị- xã hội Việt Nam.

- CL03: So sánh và đánh giá một cách sáng tạo mặt tích cực và hạn chế của các thiết chế chính trị và hình thức quản lý xã hội trong các giai đoạn lịch sử khác nhau của dân tộc Việt Nam.

- CLO4: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích và đánh giá được thiết chế chính trị và hình thức quản lý xã hội của nhà nước Việt Nam hiện nay.

- CLO5: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá được quy luật phát triển của xã hội phong kiến Việt Nam; có khả năng vận dụng kinh nghiệm quản lý xã hội của nhà nước Việt Nam hiện nay.

## 4. Nội dung chi tiết học phần

### **Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản (19 (9, 10, 0))**

#### 1.1. Chính trị

##### 1.1.1. Nội hàm khái niệm

##### 1.1.2. Thiết chế chính trị từ tiếp cận chính trị học

##### 1.1.3. Thiết chế chính trị từ tiếp cận văn hóa học

#### 1.2. Quản lý xã hội

##### 1.2.1. Thiết chế quản lý quan phương

##### 1.2.2. Định chế quản lý phi quan phương

##### 1.2.4. Đặc trưng văn hóa của quyền lực

### **Chương 2. Các mô hình hình thiết chế chính trị trong lịch sử Việt Nam (22 (9, 10, 3))**

#### 2.1. Thời kỳ cổ-trung đại

##### 2.1.1. Mô hình nhà nước sơ khai thời Hùng vương và An Dương vương

##### 2.1.2. Thiết chế cai trị theo “mô hình Hán”

##### 2.1.3. Thiết chế cai trị theo “mô hình Tùy – Đường”

##### 2.1.4. Mô hình chính quyền quân sự

##### 2.1.5. Mô hình “tập quyền thân dân”

##### 2.1.6. Mô hình “tập quyền quan liêu”

##### 2.1.7. Thiết chế “Lưỡng đầu”

2.1.8. Mô hình “tập quyền chuyên chế”

2.2. Thời kỳ Cận-kiến đại

2.2.1. Mô hình chính quyền thực dân

2.2.2. Mô hình chính quyền chuyên chính vô sản ở miền Bắc từ 1954-1975

2.2.3. Mô hình chính quyền VNCH ở Miền Nam từ 1954-1975

2.2.4. Mô hình chính quyền CHXHCN trên cả nước từ sau 1975 đến nay

### **Chương 3. Các hình thức tổ chức quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam (22 (9, 10, 3)**

3.1. Các thiết chế truyền thống

3.1.1. Làng, Liên làng, Siêu làng

3.1.2. Các thiết chế cộng đồng (họ, phường, hội, tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng...)

3.1.3. Quan hệ giữa các cấp chính quyền với thiết chế phi quan phương

3.2. Các tổ chức quản lý dân sự thời kỳ Cận – Hiện đại

3.2.1. Các hội đoàn

3.2.2. Các đảng phái chính trị

3.2.3. Các tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp

3.2.4. Các hình thức tự quản khác

### **5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	✓	✓	✓		
Vấn đáp	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận				✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓
Hướng dẫn				✓	
Hoạt động nhóm		✓	✓	✓	✓
Chuyên đề				✓	

### **6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP		Trọng số
<b>Điểm chuyên cần</b>					
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO3, CLO5	CLO2, CLO4,	20%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2,3 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận/ thuyết trình theo nhóm)	CLO1, CLO3, CLO5	CLO2, CLO4,	

<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				30%
2	Viết	Rubric 4 (Kiểm tra viết)	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 (Thi viết)	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với NCS

NCS được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trường bộ môn xem xét bố trí buổi khác.

NCS vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

**8. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của NCS.

**9. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## 10. Tài liệu tham dạy học:

### *Giáo trình /Tài liệu tham khảo bắt buộc*

1. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### *Tài liệu tham khảo*

1. Đỗ Bang (chủ biên) (1997), *Tổ chức bộ máy nhà nước dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884*. Nxb Thuận Hoá, Huế.

2. Đào Duy Anh (2011), *Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

## 5.3.2. Tiểu luận tổng quan

Mỗi NCS phải hoàn thành tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án với khối lượng 02 tín chỉ. Tiểu luận tổng quan đòi hỏi NCS



thể hiện được khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Tiểu luận tổng quan được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá.

### **5.3.3. Chuyên đề tiến sĩ**

Mỗi NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ (CĐTS) với khối lượng 06 tín chỉ trong đó 01 chuyên đề bắt buộc theo hướng chuyên sâu bắt buộc và 02 chuyên đề theo hướng chuyên sâu tự chọn phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Các CĐTS được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá

**5.3.3.1. Chuyên đề 1 (bắt buộc):** Một số vấn đề về quá trình hình thành lãnh thổ và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam/ Major Issues of the process of territory and sovereignty in vietnam history

- Số tín chỉ: 2 (5 LT, 0, 90 TH)
- Mã chuyên đề: 7LSC01
- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Tóm tắt nội dung hướng nghiên cứu của chuyên đề**

- Chuyên đề định hướng cho NCS nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liền và hải đảo trong tiến trình lịch sử dân tộc; những chứng cứ lịch sử, căn cứ khoa học và pháp lý về tính chính đáng trong quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng định chủ quyền của Việt Nam; những kiến thức chuyên sâu về quá trình lãnh thổ và chủ quyền quốc gia để có thể tham gia vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ đất nước trong tình hình phức tạp hiện nay.

- Hướng dẫn NCS chọn và thực hiện nghiên cứu về Quá trình lãnh thổ và chủ quyền quốc gia theo các hướng: Quá trình hình thành và phát triển lãnh thổ và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liền, biển và hải đảo; quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng định chủ quyền trên vùng đất phía Nam; việc phát hiện, khai thác nguồn lợi và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; những vấn đề đang đặt ra trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

#### **2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

NCS báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu chuyên sâu về cương giới Việt Nam từ khởi nguồn đến thế kỷ XI và qua các triều đại phong kiến Việt Nam; lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam thời cận- hiện đại; công cuộc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam hiện nay.

#### **3. Năng lực cần đạt**

- Học viên nêu được ý nghĩa khoa học và thực tiễn của việc nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam trên đất liền, biển và hải đảo; tính cấp thiết của việc nghiên cứu về những cứ liệu khoa học, bằng chứng lịch sử

và tính pháp lý trong quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và chủ quyền dân tộc đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam hiện nay.

- Khai thác và đánh giá được các nguồn tài liệu và công trình nghiên cứu có liên quan đến sự hình thành, phát triển lãnh thổ và chủ quyền dân tộc; tổng hợp các kết quả nghiên cứu về quá trình dựng nước, giữ nước và chủ quyền quốc gia; từ đó phân tích và giải thích được những cứ liệu khoa học, bằng chứng lịch sử và khẳng định tính pháp lý trong quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và chủ quyền dân tộc Việt Nam.

- Có phương pháp tiếp cận nghiên cứu về quá trình lãnh thổ và chủ quyền quốc gia; kỹ năng phân tích, đánh giá về sự hình thành, phát triển và quá trình xác lập chủ quyền về lãnh thổ trong lịch sử Việt Nam; rút ra những luận cứ khoa học và tính pháp lý chủ quyền Việt Nam trên đất liền, biển và hải đảo. Vận dụng những tri thức đã nghiên cứu để giáo dục truyền thống và tuyên truyền sự nghiệp đấu tranh bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền, đặc biệt là vấn đề biển Đông trong tình hình hiện nay.

- Viết và trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về quá trình lãnh thổ và chủ quyền quốc gia theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021) về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

#### **4. Yêu cầu của chuyên đề**

- Nội dung nghiên cứu chuyên đề được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công hướng dẫn. Học viên viết và trình bày được báo cáo chuyên đề nghiên cứu theo các hướng:

- + Cương giới Việt Nam từ khởi nguồn đến thế kỷ XI;
- + Cương giới Việt Nam từ thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XVI;
- + Cương giới Việt Nam từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX;
- + Lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam thời cận- hiện đại;
- + Vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trên bộ;
- + Vấn đề chủ quyền trên biển và hải đảo;
- + Công cuộc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam hiện nay.

- Đưa ra được một số công trình nghiên cứu đang được quan tâm về vấn đề này.

- NCS hoàn thành chuyên đề nghiên cứu được Tiểu ban chuyên môn (3 thành viên) đánh giá bằng điểm số.

#### **5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/ hướng dẫn**

- Hình thức tổ chức nghiên cứu tập trung tại lớp, phòng nghiên cứu hoặc tự nghiên cứu ở nhà, thư viện.

- Hướng dẫn NCS nghiên cứu theo các nội dung chuyên sâu về Quá trình lãnh thổ và chủ quyền quốc gia; NCS đăng ký hướng nghiên cứu cá nhân và theo nhóm; giảng viên giao theo hướng nghiên cứu và hướng dẫn NCS triển khai nghiên cứu.

- Phương pháp dạy học: Nghiên cứu theo định hướng của giáo viên hướng dẫn. Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn NCS tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, thời gian cuối của chuyên đề bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên, rèn luyện cho NCS cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu.

#### **6. Phương pháp đánh giá chuyên đề**

Điểm chuyên đề do Tiểu ban chuyên môn (3 thành viên) đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10.

#### **7. Danh mục tài liệu tham khảo**

1. Đào Duy Anh (2011), *Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

2. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

3. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

4. Quân đội nhân dân Việt Nam- Quân chủng Hải quân (2008), *Một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

#### **5.3.3.2. Chuyên đề 2 và 3 (tự chọn)**

- 02 chuyên đề tự chọn; chuyên đề 2 (2 tín chỉ) và chuyên đề 3 (2 tín chỉ) là kết quả tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án của NCS; nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học; giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

#### **\* Chuyên đề 2:**

- Số tín chỉ: 2 (5 LT, 0, 90 TH)

- Mã chuyên đề: 7LSC02

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Không

Áp dụng phân lý thuyết vào một trường hợp nghiên cứu cụ thể. Lý thuyết nghiên cứu được NCS lựa chọn phù hợp và áp dụng được cho đề tài luận án đã lựa chọn. Nội dung chuyên đề bao gồm: Khái quát về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chuyên đề nghiên cứu; từ đó làm nổi bật tính cấp thiết và phạm vi nghiên cứu. Mục đích, yêu cầu của chuyên đề phải bám sát mục đích, yêu cầu của luận án.

- Báo cáo chuyên đề là kết quả tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án của NCS; nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học; giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.



- Lý thuyết nghiên cứu được NCS lựa chọn phù hợp và áp dụng được cho đề tài luận án đã lựa chọn. Nội dung chuyên đề bao gồm: Khái quát về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chuyên đề nghiên cứu; từ đó làm nổi bật tính cấp thiết và phạm vi nghiên cứu. Mục đích, yêu cầu của chuyên đề phải bám sát mục đích, yêu cầu của luận án.

- NCS viết báo cáo chuyên đề và được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá.

- Phương tiện và phương pháp nghiên cứu: Để đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra, NCS cho biết những phương tiện (vật liệu, trang thiết bị chính) và phương pháp chủ yếu đã được sử dụng trong quá trình nghiên cứu; tính phù hợp của những phương pháp đã lựa chọn; lý giải cụ thể việc vận dụng của mỗi phương pháp.

- Kết quả nghiên cứu và thảo luận: NCS cần trình bày các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chuyên đề, cần trích dẫn ngắn gọn, có trọng tâm vấn đề đang quan tâm. NCS trình bày ý kiến thảo luận dựa vào kết quả nghiên cứu trong các tài liệu tham khảo.

- Kết luận và kiến nghị: Rút ra những kết quả nghiên cứu chủ yếu đã thực hiện được có đối chiếu với mục đích, yêu cầu đề ra; những vấn đề còn hạn chế, nguyên nhân...; những kiến nghị có liên quan đến nghiên cứu; đề xuất hướng tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hoặc giải pháp ứng dụng...

- Viết và trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021) về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

**\* Chuyên đề 3**

- Số tín chỉ: 2 (5 LT, 0, 90 TH)

- Mã chuyên đề: 7LSC03

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Không

Trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận tính mới của luận án. NCS lựa chọn chuyên đề và trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận tính mới cho đề tài luận án, nội dung báo cáo tiểu luận tập trung nội dung: Khái quát về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chuyên đề nghiên cứu; từ đó làm nổi bật tính cấp thiết và phạm vi nghiên cứu. Mục đích, yêu cầu của chuyên đề phải bám sát mục đích, yêu cầu của luận án.

- Báo cáo chuyên đề là kết quả tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án của NCS; nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học; giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

- NCS lựa chọn chuyên đề và trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận tính mới cho đề tài luận án, nội dung báo cáo tiểu luận tập trung nội dung: Khái quát về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chuyên đề nghiên cứu; từ đó làm nổi bật

tính cấp thiết và phạm vi nghiên cứu. Mục đích, yêu cầu của chuyên đề phải bám sát mục đích, yêu cầu của luận án.

- NCS viết báo cáo chuyên đề và được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá.

- Phương tiện và phương pháp nghiên cứu: Để đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra, NCS cho biết những phương tiện (vật liệu, trang thiết bị chính) và phương pháp chủ yếu đã được sử dụng trong quá trình nghiên cứu; tính phù hợp của những phương pháp đã lựa chọn; lý giải cụ thể việc vận dụng của mỗi phương pháp.

- Kết quả nghiên cứu và thảo luận: NCS cần trình bày các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chuyên đề, cần trích dẫn ngắn gọn, có trọng tâm vấn đề đang quan tâm. NCS trình bày ý kiến thảo luận dựa vào kết quả nghiên cứu trong các tài liệu tham khảo.

- Kết luận và kiến nghị: Rút ra những kết quả nghiên cứu chủ yếu đã thực hiện được có đối chiếu với mục đích, yêu cầu đề ra; những vấn đề còn hạn chế, nguyên nhân...; những kiến nghị có liên quan đến nghiên cứu; đề xuất hướng tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hoặc giải pháp ứng dụng...

- Viết và trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021) về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

#### **5.3.4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ**

##### **5.3.4.1. Nghiên cứu khoa học**

Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của luận án tiến sĩ. Bộ môn, người hướng dẫn khoa học của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của NCS.

Thời gian nghiên cứu khoa học được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, NCS được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Kinh phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS hoặc do đơn vị cử NCS đi học chi trả.

##### **5.3.4.2. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ tương đương 72 tín chỉ do NCS thực hiện. Luận án tiến sĩ phải có đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc có giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.



Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ, nhận bằng tiến sĩ.

Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của Nhà trường.

## **VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình**

1. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2018.

2. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.

3. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐHSP Hà Nội.

4. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐHSP, trường ĐH Vinh.

5. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐH Sư phạm-Đại học Đà Nẵng.

6. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường Đại học Sài Gòn.

7. Chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Trường ĐH Sư phạm-Đại học Thái Nguyên.

8. Công văn 31/ĐHHĐ-QLĐTSDH ngày 8/3/2022 về việc cập nhật mẫu và hướng dẫn viết chuẩn đầu ra, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

9. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

10. Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ;

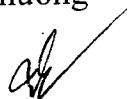
11. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

12. Quyết định số 1308/QĐ-ĐHHĐ ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ tại trường Đại học Hồng Đức.

13. Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021) về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

14. Quyết định số 297-QĐĐ/ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng về Quy định tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

15. Quyết định số 2633/QĐĐ-ĐHHĐ ngày 31/12/2021 ban hành định hướng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;



16. Quyết định 978/QĐ- ĐHHĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 ban hành Quy định xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức.

## **VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng**

- Đào tạo hình thức chính quy, tập trung theo định hướng nghiên cứu.  
- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quy định hiện hành của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho NCS. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số NCS hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 36-60 tháng đối với đào tạo trình độ tiến sĩ;

+ Thời gian tối đa để NCS hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

### **2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện**

- Trường khoa Khoa học xã hội có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn Bộ môn Lịch sử tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Trường Bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa Khoa học xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế, cho Bộ môn Lịch sử và từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

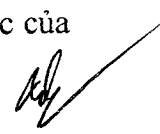
### **3. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

### **4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của



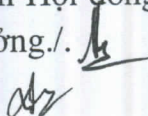


người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

#### **5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng. /.





**PGS. TS. Bùi Văn Dũng**

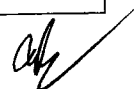


**PHỤ LỤC**  
**RUBRIC DÙNG TRONG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ**  
**NGHIÊN CỨU, LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP**  
**Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam**

**1. Rubric dùng trong kiểm tra, đánh giá học phần**

**Rubric 1. Tiêu chí đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt < 4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt $\geq$ 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ



**Rubirc 2. Tiêu chí đánh giá mức độ tham gia thảo luận**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt < 4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung thảo luận	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến áp dụng căn cứ khoa học, logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Mức độ trình bày báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Mức độ trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Khả năng làm việc nhóm	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

*Ghi chú: Thang điểm trên có thể thay đổi và được quy định cụ thể trong các đề cương chi tiết học phần.*

**Rubric 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình theo nhóm (sản phẩm nhóm)/ Dự án/chuyên đề**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt < 4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Mức độ trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Khả năng làm việc nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

*Ghi chú: Thang điểm trên có thể thay đổi và được quy định cụ thể trong các đề cương chi tiết học phần.*

**Rubric 4. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra viết/ Thi viết**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt < 4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

*Ghi chú: Thang điểm trên có thể thay đổi và được quy định cụ thể trong các đề cương chi tiết học phần.*



**Rubric dùng trong kiểm tra, đánh giá chuyên đề**

**Rubric 1. Tiêu chí đánh giá thuyết trình theo nhóm (sản phẩm nhóm)/ chuyên đề**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Mức độ trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Khả năng làm việc nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

**Rubric 2. Tiêu chí đánh giá kết quả chuyên đề nghiên cứu**

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung báo cáo	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	2,5 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng 50-70% yêu cầu	Đáp ứng 70-80% yêu cầu	Đáp ứng 80-100% yêu cầu
Hình thức trình bày báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Đơn điệu, cỡ chữ và phong chữ không thống nhất, nhiều lỗi chính tả	Rõ ràng nhưng còn nhiều lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, còn một số lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, không lỗi chính tả
Khả năng thuyết trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Nói nhỏ, không tự tin, trình bày sơ sài, người nghe không hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, sáng tạo, thuyết phục và giao lưu được với người nghe.
Mức độ trả lời câu hỏi	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	2,5 đến 3,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng

2. Phiếu đánh giá Tiểu luận tiến sĩ theo tiêu chí (Rubric)

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

1. Tên Tiểu luận tổng quan: .....,  
.....
2. Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, mã số: 9229013
3. Họ và tên học viên: .....
4. Họ và tên cán bộ đánh giá: .....
5. Đơn vị công tác: .....
6. Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20
7. Địa điểm: .....
8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ số: /QĐ.....ngày ...../ /20  
của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức
9. Đánh giá Tiểu luận:

Tiêu chí đánh giá/trọng số điểm	Các chỉ báo đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của GV
<b>I. Tiểu luận</b>		<b>(7.0 điểm)</b>	
<b>1. Nội dung chính</b>	Xác định khung lí thuyết định hướng thực hiện nghiên cứu	1.5	
	Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án	2.0	
	Nêu lên những vấn đề còn tồn tại, và chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.	1.5	
<b>2. Kết luận</b>	Khái quát những nội dung đã tìm hiểu nghiên cứu và định hướng nghiên cứu đã được lựa chọn cho luận án.	1.0	
<b>3. Tài liệu tham khảo</b>	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo được trình bày theo đúng quy định	1.0	
<b>4. Hình thức</b>	Bố cục hợp lý, tổ chức các chương mục rõ ràng, logic.	0.5	
	Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng đúng quy định. Ngôn ngữ chuẩn mực không có sai sót về chính tả, ngữ pháp.	0.5	
<b>II. Báo cáo Tiểu luận tổng quan trước Hội đồng đánh giá</b>		2.0	
<b>1. Phân báo cáo kết quả</b>	Trình bày báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm của đề tài, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng các phương tiện nghe nhìn	1.0	
<b>2. Phân trả lời câu hỏi</b>	Trả lời các câu hỏi của Hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện tốt năng lực bảo vệ luận án.	1.0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20  
Thành viên Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**3. Phiếu đánh giá Chuyên đề tiến sĩ theo tiêu chí (Rubric)**  
**UBND TỈNH THANH HÓA                      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ**

1. Tên đề tài: .....
2. Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, mã số: 9229013
3. Họ và tên học viên: .....
4. Họ và tên cán bộ đánh giá: .....
5. Đơn vị công tác: .....
6. Ngày bảo vệ: Ngày      tháng      năm 20
7. Địa điểm: .....
8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ số:      /QĐ.....ngày ...../      /20  
của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức
9. Đánh giá Luận án:

Tiêu chí đánh giá	Các chỉ báo đánh giá	Điểm tối đa	Điểm định giá của GV
<b>I. Chuyên đề</b>		<b>(8.0 điểm)</b>	
Đặt vấn đề	Nêu được tính cấp thiết của chuyên đề, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của chuyên đề.	1.0	
1. Cơ sở lí luận	Nêu đầy đủ các lí thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án	1.0	
2. Phương pháp nghiên cứu	Nêu được cách thức, mô hình, phương pháp nghiên cứu, cách thức chọn mẫu nghiên cứu và công cụ phân tích ngữ liệu.	1.0	
3. Thực trạng vấn đề nghiên cứu và kết quả nghiên cứu	Phân tích đánh giá được thực trạng nghiên cứu, tìm ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế làm căn cứ tin cậy đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.	1.0	
4. Giải pháp và kiến nghị	Nêu được định hướng phát triển vấn đề nghiên cứu, các giải pháp hoàn thiện, phát triển, nâng cao vấn đề nghiên cứu.	1.0	
Kết luận	Khái quát được những nội dung đã tìm hiểu, phân tích được trong chuyên đề.	1.0	
Tài liệu tham khảo	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong chuyên đề. Cách trình bày tài liệu tham khảo được trình bày theo đúng quy định.	1.0	
Hình thức	Bố cục hợp lý, tổ chức các chương mục rõ ràng, logic.	0.5	
	Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng đúng quy định. Ngôn ngữ chuẩn mực không có sai sót về chính tả, ngữ pháp.	0.5	
<b>II. Bảo vệ chuyên đề trước Hội đồng</b>		<b>2.0</b>	
Phân báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề trước Hội đồng	Trình bày báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm của đề tài, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng các phương tiện nghe nhìn	1.0	
Phản trả lời câu hỏi	Trả lời các câu hỏi của Hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện tốt năng lực bảo vệ luận án.	1.0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.0</b>	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày      tháng      năm 20  
**Thành viên Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)



4. Phiếu đánh giá Luận án tiến sĩ  
UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

(Dùng cho các thành viên Hội đồng trong buổi đánh giá luận án cấp trường)

Họ tên người đánh giá:.....  
Trách nhiệm trong Hội đồng: .....  
Cơ quan công tác:.....  
Họ tên Nghiên cứu sinh: .....  
Tên đề tài luận án: .....

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, mã số: 9229013

Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20

Địa điểm: .....

8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ số: /QĐ.....ngày ...../ 20  
của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ**

(Chỉ đánh dấu x vào ô trống dưới đây)

* Tán thành:	
* Không tán thành:	
* Xuất sắc:	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20  
Thành viên Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

